TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C P
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/01/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
Ông Nguyễn Ngọc Bờ.
- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang tham gia phiên toà:* Không tham gia.

Ngày 02 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C P, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp B T, xã B M, huyện C P, tỉnh An Giang.
- *Bị đơn:* Anh Võ Văn N, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp B N, thị trấn C D, huyện C P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa chị Lê Thị Ngọc T và anh Võ Văn N trình bày ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Võ Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống được thời gian dài hạnh phúc, nhưng kể từ năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N cũng đồng ý.
- Về con chung: Có một người con tên Võ Thị Ái Vy, sinh ngày 04/02/2000, đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể chị T yêu cầu xin ly hôn với anh N. Về con chung có 01 con chung tên Võ Thị Ái Vy, sinh ngày 04/02/2000, đã trưởng thành và có khả năng tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có. Do vậy, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là loại kiện về tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện C P thụ lý giải quyết do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện C P theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ án không bắt buộc phải thông qua hòa giải cơ sở, nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn hợp lệ.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định. Tại phiên tòa, các đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa chị Lê Thị Ngọc T và anh Võ Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên việc kết hôn giữa chị Lê Thị Ngọc T và anh Võ Văn N không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy việc chị T xin ly hôn với anh N và anh N cũng đồng ý ly hôn, nhưng vẫn không được xem xét mà căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 không công nhận chị Lê Thị Ngọc T và anh Võ Văn N là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Có một người con tên Võ Thị Ái Vy, sinh ngày 04/02/2000, đã trưởng thành và có khả năng tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn với anh N nhưng Tòa án không công nhận chị T và anh N là vợ chồng, nên chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm chị T phải chịu 300.000đ nói trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu 0010331 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, chị T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Ngọc T và anh Võ Văn N là vợ chồng.

- Về con chung: Có một người con tên Võ Thị Ái Vy, sinh ngày 04/02/2000, đã trưởng thành và có khả năng tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét..

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu 0010331 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C P, chị T đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C P;
- Chi cục THADS huyện C P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Hậu